TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:125/2021/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 13 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 271/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, về việc đơn xin ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Nguyên đơn: Chị Lê Dương A – sinh năm 197x**

***Bị đơn : Anh Nguyễn Đình B – sinh năm 196x**

HKTT và trú tại: Số 9xA ngõ 18x MK, phường M, quận H, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 7 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa:

Chị Lê Dương A **sinh năm 197x**

Anh Nguyễn Đình B **sinh năm 196x**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung:

Nguyễn Đình Lê C, sinh năm 200x,

Nguyễn Lê Ngọc D, sinh ngày 200x

Giao cháu D cho chị A, giao cháu C cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 6/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Cả hai có quyền qua lại, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào kể từ tháng 6/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản và nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Tóa án không xét.

2.5. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.6. Về lệ phí: Chị A tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại biên lai số AA/2020/001xxxx ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường T, quận H, thành phố H;(Giấy chứng nhận kết hôn số 5x, năm 200x)
- Chi cục thi hành án quận H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY